TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: Số 57 đường 458, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 74L đường T, tổ 6, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 12/10/2018 và tại phiên tòa ngày 24/5/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị V) và ông Trần Tấn Đ sống chung như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 91, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 07/9/2010.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng bà rất hạnh phúc nhưng sau đó, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn xô xát, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng bà sống ly thân đã hơn 07 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung, tên là: Trần Thị Anh Đ, sinh ngày 10/6/1995 và Trần Thị Trang Đ, sinh ngày 19/5/2001.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 28/3/2019, bị đơn ông Trần Tấn Đ trình bày:

Ông (Trần Tấn Đ) đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị V. Con chung thì bà V nuôi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Trần Tấn Đ nhưng ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ông nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Tấn Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Tấn Đ sống chung như vợ chồng từ năm 1994, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 91, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 07/9/2010, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà V trình bày thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, thậm chí xô xát, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn được nữa. Mặt khác, vợ chồng bà sống ly thân đã hơn 07 năm nay và vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ không có mặt nhưng tại bản tự khai ngày 28/3/2019, ông Đ đồng ý ly hôn với bà V.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà V và ông Đ không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà V là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà V và ông Đ có 02 con chung, tên là: Trần Thị Anh Đ, sinh ngày 10/6/1995 và Trần Thị Trang Đ, sinh ngày 19/5/2001.

Do con chung của bà V và ông Đ đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Tài sản chung*:

Đương sự khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Đương sự khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà V phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được quyền ly hôn với ông Trần Tấn Đ.

- Về con chung: Bà V và ông Đ có 02 con chung, tên là: Trần Thị Anh Đ, sinh ngày 10/6/1995 (đã thành niên) và Trần Thị Trang Đ, sinh ngày 19/5/2001 (đã thành niên).

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà V phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp theo biên lai số 0008078 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Trần Tấn Đ) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trung An, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương